

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2025
V/v tranh chấp hủy kết hôn trái
pháp luật, chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Dung
- Bà Bùi Thị Nhân

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Hương, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hủy kết hôn trái pháp luật, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thế H, nơi cư trú: Tổ dân phố Lục N, phường Hồng A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, nơi cư trú: Tổ dân phố Lục N, phường Hồng A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Người kế thừa nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường Hồng An, thành phố Hải Phòng. Địa chỉ: Tổ dân phố Lê Lác 1, phường Hồng An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thế H trình bày:

Anh và chị Trần Thị T chung sống trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng vào ngày 03/8/2000, số thứ tự 024/2000, quyển số 01. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm kết hôn chị T khai tăng tuổi như thế nào anh không biết để UBND xã Đại Bản, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh và chị Trần Thị T. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc mấy năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm cuộc sống, hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn hai bên sống ly thân không ai còn quan T và có trách nhiệm với nhau. Do tình cảm giữa hai bên không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Trần Thị T, hủy giấy đăng ký kết hôn số thứ tự 024/2000, quyển số 01 do UBND xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng đã cấp cho anh và chị Trần Thị T.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 03 con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 14/02/2000; Nguyễn Thế T, sinh ngày 26/12/2001; Nguyễn Thế Anh Đ, sinh 05/01/2019. Đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thế Anh Đ cho chị T nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thế M, Nguyễn Thế T đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình.

- Về tài sản: Anh và chị T đã tự thỏa thuận giải quyết xong về tài sản không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng: Anh tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ ngày 09/3/1998 trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm hai bên chung sống chị chưa đủ 16 tuổi nên hai bên không đi đăng ký kết hôn theo quy định cho đến ngày 08/3/2000 chị và anh H mới đến UBND xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại thời điểm kết hôn chị đã khai tăng tuổi (Trần Thị T, sinh ngày 09/9/1983 khai thành Trần Thị T, ngày, tháng, năm sinh: 02/1982) để UBND xã Đại Bản, huyện An Hải, thành phố Hải Phòng làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị và anh Nguyễn Thế H vào ngày 08/3/2000, số thứ tự 024, quyển số 01. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống cuộc sống không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn hai bên sống ly thân không còn quan T nhau. Do tình cảm giữa hai bên không còn, mâu thuẫn nghiêm trọng, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Trước đây chị có đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật của chị và anh H sau đó vì con chung nên chị đã xin rút lại đơn khởi kiện. Việc anh H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật

giữa chị và anh H tại UBND xã Đại Bản ngày 08/3/2000, số thứ tự 024, quyền số 01 chị đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh H và hủy giấy đăng ký kết hôn do UBND xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), Hải Phòng cấp cho chị là Trần Thị T và anh Nguyễn Thế H tại sổ đăng ký kết hôn số 01, số thứ tự 024/2000 ngày 08/3/2000.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thế H có 03 con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 14/02/2000; Nguyễn Thế T, sinh ngày 26/12/2001; Nguyễn Thế Anh Đ, sinh 05/01/2019. Đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Thế Anh Đ cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thế M, Nguyễn Thế T đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (người kế thừa nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường Hồng An, thành phố Hải Phòng) có quan điểm:

Theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000, số thứ tự 24, quyền số 01 lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Dương thành phố Hải Phòng thì chị Trần Thị T, sinh tháng 02/1982 và anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1970 kết hôn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Hải làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm đăng ký kết hôn cho chị T và anh H thì chị T và anh H đều đủ tuổi kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh H với lý do tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T chưa đủ tuổi kết hôn, khi đăng ký kết hôn chị T khai tăng tuổi của mình lên để đủ tuổi kết hôn theo quy định, Ủy ban nhân dân xã Đại Bản đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2-Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 28, 147, 227, 228, 244, 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 5, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn, hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T, hủy giấy đăng ký kết hôn do UBND xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), Hải Phòng cấp cho chị là Trần Thị T và anh Nguyễn Thế H tại sổ đăng ký kết hôn số 01, số thứ tự 024/2000 ngày 08/3/2000; về con chung: Giao con chung Nguyễn Thế Anh Đ, sinh 05/01/2019 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng, con chung Nguyễn Thế M, Nguyễn Thế T đã trưởng thành, không giải quyết; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: không giải quyết; Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản của anh Nguyễn Thế H đối với chị Trần Thị T. Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Trả lại cho anh Nguyễn Thế H số tiền tạm ứng chia tài sản chung, anh H phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Chị Trần Thị T, Ủy ban nhân dân phường Hồng An, thành phố Hải Phòng vắng mặt tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt, Ủy ban nhân dân phường Hồng An, thành phố Hải Phòng vắng mặt lần 2 không có lý do nên căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị T và Ủy ban nhân dân phường Hồng An, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án: Ngày 04/12/2023, chị Trần Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị T và anh Nguyễn Thế H tại UBND xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng, sổ đăng ký kết hôn số 01, số thứ tự 024/2000 ngày 08/3/2000. Ngày 06/12/2023, Tòa án thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là chị Trần Thị T và bị đơn là anh Nguyễn Thế H. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 02/5/2024, chị Trần Thị T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh Nguyễn Thế H. Anh Nguyễn Thế H có quan điểm đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị T. Căn cứ vào Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự về việc thay đổi địa vị tố tụng trong vụ án anh Nguyễn Thế H trở thành nguyên đơn, chị Trần Thị T trở thành bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, có cơ sở xác định anh H đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và chia tài sản giữa anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T có địa chỉ: Thôn Lọc Nông, xã Đại Bản, huyện An Dương (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng, quan hệ pháp luật anh H yêu cầu giải quyết là “Tranh chấp về hủy kết hôn trái pháp luật, chia tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 08/3/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã Đại Bản tại quyển 01 số thứ tự 024/2000 ngày 08/3/2000 thể hiện họ tên chồng Nguyễn Thế H, sinh năm 1970 và họ tên vợ Trần Thị T, sinh: 02/1982. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị T cung cấp như: Giấy khai sinh, căn cước công dân, xác nhận thông tin cư trú và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xác định chị Trần Thị T, sinh ngày 09/9/1983. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Thế H, chị T được 16 tuổi 5 tháng 29 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật vi phạm Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Quá trình chung sống giữa anh H, chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai bên đều có quan điểm đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế H về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T và hủy giấy chứng nhận kết hôn số 024/2000, quyển số 01 ngày 08/3/2000 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng là phù hợp với theo quy định theo quy định tại các điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T có 03 con chung là Nguyễn Thế M, sinh ngày 14/02/2000; Nguyễn Thế T, sinh ngày 26/12/2001; Nguyễn Thế Anh Đ, sinh 05/01/2019. Anh H, chị T đều có quan điểm thống nhất giao con chung Nguyễn Thế Anh Đ cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng. Con chung Nguyễn Thế M, Nguyễn Thế T đã đủ 18 tuổi tự quyết định cuộc sống của mình. Xét quan điểm của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận và giao con chung Nguyễn Thế Anh Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng khi hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh H và chị T đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Thế M, Nguyễn Thế T đã trưởng thành Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của anh H và chị T trong thời gian chung sống. Ngày 23/4/2024, Tòa án đã thụ lý yêu cầu của anh H đến ngày 18/8/2025 anh H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Xét thấy việc rút đơn khởi kiện của anh H là tự nguyện, căn cứ vào Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh Nguyễn Thế H đối với chị Trần Thị T. Anh Nguyễn Thế

H, chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về chi phí tố tụng: Anh H tự nguyện chịu không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Về án phí: Anh Nguyễn Thế H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho anh Nguyễn Thế H số tiền án phí chia tài sản sơ thẩm đã nộp.

[10] Đối với việc đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng: Căn cứ đề nghị của công dân nên Ủy ban nhân dân xã Đại Bản đã chứng nhận kết hôn cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế H. Việc chị T khi kết hôn chưa đủ tuổi, vi phạm luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là do lỗi của chị T khai không đúng tuổi của mình, việc chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Đại Bản là đúng thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 5, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T; hủy giấy đăng ký kết hôn số 024/2000 ngày 08/3/2000 theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000 của Ủy ban nhân dân xã Đại Bản, huyện An Hải (nay là phường Hồng An), thành phố Hải Phòng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thế H và chị Trần Thị T có 03 con chung Nguyễn Thế M, sinh ngày 14/02/2000; Nguyễn Thế T, sinh ngày 26/12/2001; Nguyễn Thế Anh Đ, sinh 05/01/2019. Giao con chung Nguyễn Thế Anh Đ cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Nguyễn Thế M; Nguyễn Thế T đã trưởng thành Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện chia tài sản của anh Nguyễn Thế H đối với chị Trần Thị T. Anh Nguyễn Thế H, chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Trả lại cho anh Nguyễn Thế H số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp 14.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0008365 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (nay là Phòng thi hành án khu vực 2 thuộc thi hành án thành phố Hải Phòng). Anh H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp. Trả lại cho anh H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 13.700.000đồng.

Trả lại cho chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0008305 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (nay là Phòng thi hành án khu vực 2 thuộc thi hành án thành phố Hải Phòng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2-Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Đại Bản (nay là phường Hồng An, ĐKKH số 024/2000 ngày 08/3/2000);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương